

Bản án số: 66/2026/DS-ST

Ngày: 26-5-2026.

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuý.

2. Ông Cao Văn Truyen.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 548/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 1001/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty T1, địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C- Số A, đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện pháp luật: Ông Chun Young I – Chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Công ty L, địa chỉ: Số H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng, đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ - chức danh: Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số: số 048/2024/GUQ-TGD ngày 04/10/2024 của Tổng Giám đốc và giấy uỷ quyền số: 49/2025/UQ – KK-SVFC ngày 29/9/2025 của Giám đốc Khối thu hồi nợ); đại diện tham gia tố tụng: Bà Võ Thị Yên N – sinh năm: 2003, địa chỉ liên hệ: Số H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 045303001234, cấp ngày: 08/4/2021 (theo giấy uỷ quyền số: 15/UQ.2025 ngày 24/10/2025 của Giám đốc Công ty L, có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn T - sinh năm: 1986, địa chỉ: Số K đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CMND: 201532135, nơi cấp: Công an thành phố Đ, ngày cấp: 14/01/2010 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng ngày 24 tháng 10 năm 2025, các bản tự khai ngày 19 tháng 01 năm 2026, ngày 20 tháng 3 năm 2026, ngày 05 tháng 5 năm 2026 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2017, ông Nguyễn T và Công ty T1 (gọi tắt là Công ty T1) ký hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10968940 theo Phiếu đề nghị vay tiêu dùng ngày 17/7/2017 của ông T. Theo đó, Công ty T1 cho ông T vay số tiền 47.000.000đ (*bốn mươi bảy triệu đồng*), với mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất trong hạn: 38%/năm, mức lãi suất quá hạn 57%/năm, loại hình vay: tín chấp. Công ty T1 đã tiến hành giải ngân ngay sau khi ký hợp đồng, ông T có nghĩa vụ trả nợ theo lịch trả nợ với tổng số 48 kỳ (trả vào ngày 05 hàng tháng), kỳ 1 trả cả gốc và lãi với tổng số tiền 1.124.000đ (một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng), từ kỳ 02 đến kỳ 47 mỗi kỳ trả số tiền 1.917.800đ (*một triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm đồng*), kỳ thứ 48 trả số tiền 3.827.200đ (ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng), kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 05/8/2017, kỳ cuối cùng trả vào ngày 05/7/2021.

Sau khi vay, ông T thanh toán nợ được 14 kỳ (vào ngày 05/9/2018) với tổng số tiền 26.119.000đ (*hai mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn đồng*), trong đó: số tiền gốc là 7.011.100đ, số tiền nợ lãi là 19.107.900đ.

Ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ kỳ thanh toán 15 vào ngày 05/10/2018 cho đến nay, mặc dù Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông T vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty T1 yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giải quyết buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần tổng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 05/7/2026 (ngày kết thúc hợp đồng) là 91.440.243đ (chín mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 39.988.900đ (ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn chín trăm đồng), nợ lãi trong hạn là 27.125.700đ (hai bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 24.443.143đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng); đồng thời, ông T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng 10968940 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong dự nợ gốc.

Bị đơn ông Nguyễn T đã được Toà án cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 đối với ông Nguyễn T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Các đương sự trong vụ án không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[4] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T1 yêu cầu ông Nguyễn T phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 05/10/2018 cho đến thời điểm giải quyết. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn sửa đổi bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi quá hạn, theo đó đại diện nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/7/2021 (ngày kết thúc hợp đồng). Xét thấy việc sửa đổi bổ sung yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu sửa đổi bổ sung của đại diện nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung tranh chấp: Công ty T1 đã cho ông Nguyễn T vay số tiền 47.000.000đ (*bốn mươi bảy triệu đồng*) theo Phiếu đề nghị cấp khoản vay ngày 17/7/2017 của ông T và hợp đồng cho vay số: 10968940 được hai bên ký kết vào ngày 21/7/2017,), với mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất trong hạn: 38%/năm, mức lãi suất quá hạn 57%/năm, loại hình vay: tín chấp. Công ty T1 đã tiến hành giải ngân ngay sau khi ký hợp đồng, ông T có nghĩa vụ trả nợ theo lịch trả nợ với tổng số 48 kỳ (trả vào ngày 05 hàng tháng), kỳ 1 trả cả gốc và lãi với tổng số tiền 1.124.000đ (một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng), từ kỳ 02 đến kỳ 47 mỗi kỳ trả số tiền 1.917.800đ (*một triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm đồng*), kỳ thứ 48 trả số tiền 3.827.200đ (ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng), kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 05/8/2017, kỳ cuối cùng trả vào ngày 05/7/2021. Ông T thanh toán nợ được 14 kỳ với tổng số tiền 26.119.000đ (*hai mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn đồng*), trong đó: số tiền gốc là 7.011.100đ, số tiền nợ lãi là 19.107.900đ. Từ kỳ thanh toán thứ 15 (ngày 05/10/2018) đến nay ông T không thanh toán nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu trả nợ. Trong khi đó, ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét thấy Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do ông Nguyễn T không thực hiện thanh toán đúng hạn theo

thoả thuận nên Công ty T1 khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, hợp đồng cho vay số: 10968940 ngày 21/7/2017 (kèm theo lịch trả nợ và Cam kết nhận nợ và yêu cầu giải ngân).

[7] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty T1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn T thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 05/7/2021 (ngày kết thúc hợp đồng) là 91.440.243đ (chín mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 39.988.900đ (ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn chín trăm đồng), nợ lãi trong hạn là 27.125.700đ (hai bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 24.443.143đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng); đồng thời, ông T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng 10968940 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn còn yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh do chậm trả trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 27/5/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy yêu cầu thanh toán của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, thỏa thuận tại Phiếu đề nghị cấp khoản vay ngày 17/7/2017 và hợp đồng cho vay số: 10968940 được hai bên ký kết vào ngày 21/7/2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu 4.572.000đ (91.440.243đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 đối với ông Nguyễn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Nguyễn T phải trả cho Công ty T1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 05/7/2021 là 91.440.243đ (chín mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 39.988.900đ (ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn chín trăm đồng), nợ lãi trong hạn là 27.125.700đ (hai bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 24.443.143đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn T còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc (39.988.900đ) theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số: 10968940 ngày 21/7/2017 mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu 4.572.000đ (*bốn triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.711.600đ (*bốn triệu bảy trăm mười một nghìn sáu trăm đồng*) theo biên lai thu số 0006964 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/5/2026). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSNDKV4 - Đà Nẵng;
- Phòng THADSKV4 - Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn